

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG,
THÔNG BÁO SỐ 536/TB-UBND NGÀY 30/6/2025**

Thông báo số 536/TB-UBND ngày 30/6/2025					Nội dung điều chỉnh, bổ sung				
STT	Số hiệu thửa	Loại đất	Diện tích (m2)	Tờ bản đồ số	Số hiệu thửa	Loại đất	Diện tích (m2)	Số tờ bản đồ mới	Ghi chú
1	1	DGT	1.016,6	3	1	DGT	1.738,7	346	
2	1	DTL	25.754,2	4	Không thu hồi				
3	2	MCS	53.615,1	4	2	MSC	56.903,8	353	
4	3	MCS	237.987,9	4	1	MCS	41.763,7	361	
5	2	TSL	91,3	6	2	NTS	76,4	112	
6	3	TSL	204,5	6	3	NTS	192,3	112	
7	5	TSL	2.459,2	6	5	NTS	1.549,7	112	
8	11	TSL	107,3	6	11	NTS	67,9	112	
9	12	DTL	204,2	6	12	DTL	127,3	112	
10	19	TSL	2.315,3	6	19	NTS	1.434,7	112	
11	131	TSL	2.604,2	6	131	DTL	261,1	112	
12	132	DGT	780,0	6	132	DGT	474,1	112	
13	7	TSL	235,0	7	7	NTS	145,6	113	
14	13	DGT	99,0	7	13	DGT	72,2	113	
15	17	DTL	5.899,1	7	17	DTL	3.673,4	113	
16	23	DTL	173,9	7	23	DTL	94,5	113	
17	25	DGT	354,9	7	25,0	DGT	223,3	191	
18	1	DTL	104,7	12	1	DTL	81,4	190	
19	2	LMU	215,9	12	2	LMU	156,6	190	
20	3	LMU	297,3	12	3	LMU	148,9	190	

Thông báo số 536/TB-UBND ngày 30/6/2025					Nội dung điều chỉnh, bổ sung				
STT	Số hiệu thửa	Loại đất	Diện tích (m2)	Tờ bản đồ số	Số hiệu thửa	Loại đất	Diện tích (m2)	Số tờ bản đồ mới	Ghi chú
21	4	LMU	148,2	12	4	LMU	59,0	190	
22	5	LMU	2,4	12	Không thu hồi				
23	6	LMU	532,1	12	6	LMU	362,7	190	
24	12	LMU	658,0	12	12	LMU	411,6	190	
25	15	LMU	639,1	12	15	LMU	402,5	190	
26	24	LMU	6,7	12	Không thu hồi				
27	2	LMU	175,5	13	2	LMU	48,0	191	
28	6	LMU	428,7	13	6	LMU	306,6	191	
29	7	LMU	165,1	13	7	LMU	106,2	191	
30	10	LMU	72,1	13	10	LMU	31,5	191	
31	11	LMU	108,5	13	11	LMU	82,2	191	
32	12	LMU	238,0	13	12	LMU	148,5	191	
33	22	DTL	82,0	13	22	DGT	50,9	191	
TỔNG			337.776,0				111.195,3		